

Bản án số: 04/2021/DS-ST

Ngày: 23/02/2021

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Trọng Cần.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Tôn Nữ Quỳnh Tương.
2. Bà Trần Thị Thanh Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trương Bảo Long, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế:
Bà Nguyễn Thị Linh Chi, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Huế (Địa chỉ: Số 60 đường N, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế) xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 273/2020/TLST-DS ngày 16 tháng 11 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2021/QĐST-DS, ngày 02 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Đ; địa chỉ: Số 130 đường P, phường 3, quận P, thành phố H;

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị;

- Người đại diện theo ủy quyền:

Ông Nguyễn Thanh T, chức vụ: Tổng giám đốc (Theo Quyết định ủy quyền số 11/QĐ-DAB-PC ngày 24/01/2019 của Chủ tịch Hội đồng quản trị);

Ông Ngô Hoàng Đại D, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ – chi nhánh thành phố H (Theo Quyết định ủy quyền số 292/QĐ-DAB-PC ngày 23/3/2019 của Tổng giám đốc).

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Đôn Thiện T, sinh năm 1986, chức vụ: Nhân viên khách hàng cá nhân Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh thành phố H - Phòng giao dịch M; địa chỉ: Số 82 đường M, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (Theo giấy ủy quyền ngày 21/02/2020 của Giám đốc), có mặt.

2. *Bị đơn*: Bà Phan Thị Xuân L, sinh năm 1982; địa chỉ: Số 76/02 đường L, phường K, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Trần Hữu T, sinh năm 1976; địa chỉ: Số 76/02 đường L, phường K, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/02/2020, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người được ủy quyền lại của nguyên đơn ông Nguyễn Đôn Thiện T trình bày: Bà Phan Thị Xuân L có quan hệ tín dụng với Ngân hàng TMCP Đ (Sau đây viết tắt là DongA Bank), căn cứ theo giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 30/12/2016 và danh sách cho vay trả góp giải ngân qua tài khoản thẻ ngày 23/01/2017, chi tiết gồm những khoản như sau:

* Khoản cấp tín dụng:

- Số đợt vay: 0136265101T17110

Số tiền vay: 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng); lãi suất 10,2%/năm – (0,85%/tháng); lãi suất quá hạn bằng 1,5 lần lãi suất trong hạn; thời hạn vay: 24 tháng; ngày vay: 23/01/2017, ngày đến hạn: 23/01/2019; mục đích vay: Buôn bán để thu nhập thêm.

* Biện pháp đảm bảo: Tín chấp.

Theo thỏa thuận bà Phan Thị Xuân L có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ với tổng cộng số tiền 24.080.000 đồng (Gồm cả gốc và lãi), trả trong vòng 24 tháng; trong 23 tháng đầu mỗi tháng phải trả 1.005.000 đồng; tháng cuối cùng trả: 965.500 đồng, thanh toán vào ngày 10 hàng tháng, thời gian thanh toán bắt đầu từ ngày 10/02/2017.

Sau khi ký nhận nợ theo danh sách cho vay trả góp giải ngân qua tài khoản thẻ ngày 23/01/2017, bà Phan Thị Xuân L đã nhận đủ số tiền vay và đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ với tổng số tiền 14.070.000 đồng. Kể từ sau ngày 12/4/2018, bà Phan Thị Xuân L không tiếp tục thanh toán các khoản nợ còn phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ như đã thỏa thuận. Mặc dù Ngân hàng TMCP Đ nhiều lần nhắc nhở và tạo điều kiện để bà Phan Thị Xuân L trả nợ, nhưng bà Phan Thị Xuân L không có thiện chí trả nợ.

Nay Ngân hàng TMCP Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phan Thị Xuân L và ông Trần Hữu T phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ với tổng số tiền nợ còn thiếu tính đến ngày 23/02/2021 là: 13.500.271 đồng (Trong đó nợ gốc: 9.262.000 đồng, nợ lãi trong hạn 748.000 đồng, nợ lãi quá hạn: 3.940.271 đồng) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 24/02/2021 cho đến ngày Phan Thị Xuân L và ông Trần Hữu T trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP Đ theo mức lãi suất tại giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 30/12/2016 cho đến khi bà Phan Thị Xuân L và ông Trần Hữu T trả hết nợ.

Sau khi thụ lý vụ án, ngày 16/11/2020, Tòa án đã có thông báo thụ lý vụ án số: 273/2020/TB-TLVA và đã niêm yết Thông báo thụ lý, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải kể cả Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa để bà Phan Thị Xuân L là bị đơn và ông Trần Hữu T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án

đến Toà án để làm việc, tham gia tố tụng, nhưng bà Phan Thị Xuân L và ông Trần Hữu T cũng không đến Toà án để trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên toà hôm nay, bà Phan Thị Xuân L và ông Trần Hữu T vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Xét thấy: Toà án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đối với bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nhưng bà Phan Thị Xuân L và ông Trần Hữu T vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, là thuộc trường hợp cố tình vắng mặt, gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên toà Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân theo đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Đối với nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan từ khi thụ lý vụ án, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do là vi phạm Điều 70, Điều 72 và Điều 73 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do và không vì sự kiện bất khả kháng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng các Điều 344, 345, 463, 466, khoản 1 Điều 468, khoản 2 Điều 470 Bộ luật Dân sự; Án lệ số: 08/2016/AL; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ buộc ông Trần Hữu T có trách nhiệm liên đới với bà Phan Thị Xuân L để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm 23/02/2021 là 13.500.271 đồng (Trong đó nợ gốc 9.262.000 đồng, nợ lãi trong hạn 748.000 đồng, nợ lãi quá hạn 3.490.271 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 24/02/2021) bà Phan Thị Xuân L và ông Trần Hữu T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ cho đến khi bà Phan Thị Xuân L và ông Trần Hữu T thanh toán xong toàn bộ khoản vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Phan Thị Xuân L và ông Trần Hữu T phải chịu theo quy định của pháp luật. Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 301.000đồng (Ba trăm lẻ một nghìn đồng) mà Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000699, ngày 13/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Phan Thị Xuân L và ông Trần Hữu T là bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ, thấy rằng: Ngày 31/12/2016, bà Phan Thị Xuân L có ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (Dong A bank) Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ và Danh sách cho vay trả góp giải ngân qua tài khoản thẻ đọt vay 01362651901T17110, ngày 23/01/2017 để vay số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn vay 24 tháng; mục đích vay: Buôn bán tăng thêm thu nhập, lãi suất trong hạn: 10,2%/năm; lãi suất quá hạn: 150% so với lãi suất trong hạn; phương thức tính lãi: Lãi được tính trên nợ gốc ban đầu, qua danh sách cho vay trả góp giải ngân qua tài khoản; 23 kỳ đầu bà Phan Thị Xuân L phải góp mỗi kỳ là 1.005.000 đồng, kỳ cuối bà Lan phải góp 965.000 đồng. Để đảm bảo cho khoản vay trên ông Trần Hữu T (Chồng bà L) là người bảo lãnh tại giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm phương án nhận nợ và được xác nhận của Hội liên hiệp phụ nữ phường Kim Long, thành phố Huế xác nhận ngày 30/12/2016. Quá trình vay vốn, từ ngày 23/6/2017 đến ngày 12/4/2018 bà Phan Thị Xuân Lan chỉ trả được cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ với tổng số tiền 14.070.000 đồng (Trong đó nợ gốc 10.738.000 đồng, nợ lãi trong hạn 3.332.000 đồng, nợ lãi quá hạn 0 đồng). Do bà Phan Thị Xuân L vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên từ ngày 24/02/2018, Ngân hàng TMCP Đ đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn, tính đến ngày 10/12/2020 bà Phan Thị Xuân L còn nợ của Ngân hàng TMCP Đ là: 13.209.088 đồng (Trong đó nợ gốc: 9.262.000 đồng, nợ lãi trong hạn 748.000 đồng, nợ lãi quá hạn: 3.199.088 đồng).

Như vậy, tính đến ngày 23/02/2021 bà Phan Thị Xuân L còn nợ của Ngân hàng TMCP Đ với tổng số tiền 13.500.271 đồng (trong đó nợ gốc 9.262.000 đồng, nợ lãi trong hạn 748.000 đồng, nợ lãi quá hạn 3.490.271 đồng). Mặc dù bà Phan Thị Xuân L là người đứng ra vay tiền của Ngân hàng, nhưng ông Trần Hữu T (Chồng bà L) là người bảo lãnh; mặt khác bà Phan Thị Xuân L sử dụng vốn vay để để buôn bán nhằm đáp ứng nhu cầu cần thiết cho gia đình. Nên căn cứ khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình cần buộc ông Trần Hữu T phải liên đới với bà Phan Thị Xuân L để trả toàn bộ số nợ trên cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ.

Từ những nhận định trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phan Thị Xuân L và ông Trần Hữu T phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ Đ toàn bộ số nợ gốc, nợ lãi trong hạn và nợ lãi quá hạn đến ngày xét xử sơ thẩm 23/02/2021 là: 13.500.271 đồng (trong đó nợ gốc 9.262.000 đồng, nợ lãi trong hạn 748.000 đồng, nợ lãi quá hạn 3.490.271 đồng) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 24/02/2021 cho đến khi bà Phan Thị Xuân L và ông Trần Hữu T trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ mà các bên đã ký kết là có căn cứ đúng pháp luật, cần chấp nhận.

[3] Về án phí:

- Buộc bà Phan Thị Xuân L và ông Trần Hữu T phải chịu: 13.500.271 đồng x 5% = 675.013 đồng; làm tròn số: 675.000 đồng (Sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

- Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ không phải chịu án phí, nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí 301.000 đồng (Ba trăm lẻ một nghìn đồng) mà Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000699, ngày 13/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 280, 463, 466, 467, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ, buộc bà Phan Thị Xuân L và ông Trần Hữu T phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ toàn bộ số nợ gốc, nợ lãi trong hạn và nợ lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm 23/02/2021 là: 13.500.271 đồng (Mười ba triệu năm trăm nghìn hai trăm bảy mươi một đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 24/02/2021) bà Phan Thị Xuân L và ông Trần Hữu T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ cho đến khi bà Phan Thị Xuân L và ông Trần Hữu T thanh toán xong toàn bộ khoản vay.

2. Về án phí:

- Buộc bà Phan Thị Xuân L và ông Trần Hữu T phải chịu 675.000 đồng (Sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ số tiền tạm ứng án phí 301.000 đồng (Ba trăm lẻ một nghìn đồng) mà Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000699, ngày 13/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Án sơ thẩm xét xử công khai nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT H;
- VKSND TP H;
- Chi cục THADS TP H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu dán;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)
Huỳnh Trọng Cần**

